

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Màng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Khuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/12/2024 và 13/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản T, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cà Văn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản T, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Cà Văn P. Địa chỉ: Bản L, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La.

Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh Lò Văn D1. Địa chỉ: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh Vì Văn H. Địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Ban quản lý bản Ten, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp: Anh Cà Văn D2 – Trưởng bản (Theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 phê chuẩn kết quả bầu chức danh Trưởng bản, bản T nhiệm kỳ 2023 – 2025 của UBND xã PT, huyện ML).

Địa chỉ: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh Cà Văn H2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh Vì Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Chị Vì Thị T. Địa chỉ: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cà Thị L trình bày:

Chị và anh Cà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 27/12/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Cà Văn D sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình, mang hết tài sản trong nhà đi bán, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không khắc phục được, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Cà Văn D.

Về con chung: Có hai con là Cà Văn Ph, sinh ngày 17/02/2013 và Cà Thị Ngọc D, sinh ngày 08/8/2015. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Cà Văn D cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 16/12/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày thêm về nợ chung: Vợ chồng anh chị có các khoản nợ chung sau:

Nợ anh trai chị là Cà Văn H2 số tiền 10.000.000 đồng, vay năm 2020, không có thời hạn, không có lãi, không có hợp đồng.

Nợ anh Vì Văn S số tiền 5.000.000 đồng, vay năm 2020, không có thời hạn, không có lãi, không có hợp đồng.

Nợ anh Cà Văn P số tiền 14.000.000 đồng, vay năm 2020, không có thời hạn, không có lãi, không có hợp đồng. Chị đã trả được 7.500.000 đồng, hiện còn nợ 6.500.000 đồng.

Nợ anh Lò Văn D1 số tiền 2.300.000 đồng là tiền đi mua thịt lợn, đã trả 1.500.000 đồng, hiện còn nợ 800.000 đồng.

Nợ ban quản lý bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La các khoản như đóng góp quỹ bản, làm đường... số tiền 1.500.000 đồng.

Chị đề nghị phân chia trách nhiệm trả các khoản nợ trên, chị nhận trả khoản nợ anh Cà Văn H2 10.000.000 đồng, anh Cà Văn P 6.500.000 đồng và yêu cầu anh Cà Văn D trả các khoản nợ còn lại. Tại phiên tòa ngày 13/01/2025 chị nhất trí trả thêm khoản nợ anh Vì Văn S 5.000.000 đồng, anh Lò Văn D1 800.000 đồng, Ban quản lý bản Ten, xã PT 1.500.000 đồng. Tổng cộng 23.800.000 đồng.

Nợ chị Vì Thị T là chị dâu anh Duân (địa chỉ: Bản Ten, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 5.000.000 đồng, tuy nhiên theo chị sau này anh chị có đi làm nhà giúp vợ chồng chị Thê và vợ chồng chị Thê nói đã trừ số tiền nợ trên vào tiền công làm nhà, do đó chị không công nhận khoản nợ trên, không nhất trí trả.

Nợ anh Vì Văn H (địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 2.000.000 đồng. Theo chị đây là nợ riêng của anh Cà Văn D tự vay, chị không biết, không nhất trí trả.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cà Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Cà Thị L, anh chị kết hôn với nhau ngày 27/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn, bất đồng gì lớn. Anh xác định còn tình cảm với vợ, nguyện vọng muốn đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có hai con là Cà Văn Ph, sinh ngày 17/02/2013 và Cà Thị Ngọc D, sinh ngày 08/8/2015. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên cũng tùy vào nguyện vọng của các con, nếu con ở cùng anh không yêu cầu chị Cà Thị L cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 05/12/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày thêm về nợ chung: Vợ chồng anh chị có các khoản nợ chung sau:

Nợ anh Cà Văn P (địa chỉ: Bản Lúa, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 5.000.000 đồng. Anh không nhất trí trả.

Nợ anh Lò Văn D1 (địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 1.000.000 đồng là tiền đi mua thịt lợn. Anh không nhất trí trả.

Nợ ban quản lý bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La các khoản như đóng góp làm đường... số tiền khoảng 2.000.000 đến 3.000.000 đồng. Anh không nhất trí trả.

Nợ anh Cà Văn H2 (địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 10.000.000 đồng. Anh không nhất trí trả.

Nợ anh Vì Văn S (địa chỉ: Bản Pi, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 5.000.000 đồng. Anh không nhất trí trả.

Nợ chị Vì Thị T là chị dâu anh (địa chỉ: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 5.000.000 đồng. Theo anh khoản tiền này chưa trả, cũng không có chuyện chị Thế trừ nợ cho vợ chồng anh. Do đó anh nhất trí trả nợ, nhưng đề nghị chia đôi anh và chị Lánh mỗi người trả một nửa. Tại phiên tòa ngày 13/01/2025 anh nhất trí trả toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng.

Nợ anh Vì Văn H (địa chỉ: Bản CP, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La) số tiền 2.000.000 đồng để lắp đặt điện trong nhà. Anh không nhất trí trả. Tại phiên tòa ngày 13/01/2025 anh thay đổi ý kiến đối với khoản nợ anh Vì Văn H, anh xác định đây là nợ riêng của anh, không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Anh Cà Văn P trình bày: Anh có cho vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D vay số tiền 14.000.000 đồng, vay làm ba lần (lần một vay 5.000.000 đồng, lần hai vay 4.000.000 đồng, lần ba vay 5.000.000 đồng). Do là anh em trong nhà nên không làm giấy tờ, cũng không tính lãi. Đến nay anh Duân chị Lánh đã trả được 7.500.000 đồng, hiện còn nợ 6.500.000 đồng. Anh đề nghị chị Cà Thị L là người trả nợ cho anh, vì anh Duân không có việc làm, không có thu nhập.

Anh Lò Văn D1 trình bày: Vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D có nợ tiền mua thịt của gia đình anh từ năm 2020, số tiền là 2.300.000 đồng. Do là người quen nên không làm giấy tờ, cũng không tính lãi. Năm 2022 anh Duân chị Lánh đã trả 1.500.000 đồng, hiện còn nợ 800.000 đồng. Đề nghị giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Anh Cà Văn D2 – Trưởng bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La trình bày: Vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D có nợ Ban quản lý bản Ten các khoản như đóng góp quỹ bản, làm đường... số tiền 1.500.000 đồng từ năm 2022, không tính lãi, có ghi trong sổ do kế toán bản giữ. Nay chị Lánh anh Duân ly hôn đề nghị giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật, trả lại Ban quản lý bản.

Anh Cà Văn H2 trình bày: Anh là anh trai chị Cà Thị L. Năm 2020 anh có cho vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D vay số tiền 10.000.000 đồng, do là người nhà nên không lập hợp đồng, không có thời hạn, không có lãi suất. Nay anh Duân chị Lánh ly hôn anh đề nghị anh Duân chị Lánh có trách nhiệm trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi.

Anh Vì Văn S trình bày: Anh có cho vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D vay số tiền 5.000.000 đồng, vay năm 2022, không có thời hạn, không có lãi, không có hợp đồng. Nay chị Lánh anh Duân ly hôn anh đề nghị giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Chị Vì Thị T trình bày: Chị là chị dâu anh Duân. Năm 2022 chị có cho vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D vay số tiền 5.000.000 đồng, do là người nhà nên không lập hợp đồng, không có thời hạn, không có lãi suất. Nay anh Duân chị Lánh ly hôn chị đề nghị anh Duân chị Lánh có trách nhiệm trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng, không tính lãi. Về ý kiến của chị Lánh cho rằng sau đó chị Lánh anh Duân có đi làm nhà giúp vợ chồng chị và vợ chồng chị nói đã trừ số tiền nợ trên vào tiền công làm nhà là không đúng, chị đề nghị anh Duân chị Lánh có trách nhiệm trả số tiền trên cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vì Văn H không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 60, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị Cà Thị L được ly hôn anh Cà Văn D;

Về con chung: Giao cho chị Cà Thị L trực tiếp nuôi các cháu Cà Văn Ph, sinh ngày 17/02/2013 và Cà Thị Ngọc D, sinh ngày 08/8/2015. Anh Cà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Cà Thị L.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung:

Đề nghị buộc chị Cà Thị L có trách nhiệm trả anh Cà Văn H2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trả anh Cà Văn P số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), trả anh Lò Văn D1 số tiền 800.000 đồng (Tám trăm

ng nghìn đồng), trả anh Vì Văn S số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả Ban quản lý bản Ten, xã PT, huyện ML số tiền 1.500.000 đồng. Tổng cộng 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này không tính lãi.

Đề nghị buộc anh Cà Văn D có trách nhiệm trả chị Vì Thị T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Số tiền này không tính lãi.

Đề nghị chấp nhận việc anh Cà Văn D rút yêu cầu giải quyết khoản nợ 2.000.000 đồng với anh Vì Văn H.

Chị Cà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Cà Thị L khởi kiện ly hôn anh Cà Văn D có địa chỉ tại bản T, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Văn P, Vì Văn S, Cà Văn H2, Lò Văn D1, Vì Thị T, Ban quản lý bản T, xã PT đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án, có đề nghị giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vì Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án, đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cà Thị L và anh Cà Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2011, như vậy hôn nhân giữa chị Cà Thị L và anh Cà Văn D là hôn nhân hợp pháp

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Cà Thị L và anh Cà Văn D: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Cà Văn D sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình. Từ lâu hai người đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tòa án nhân dân huyện Mường La đã tiến hành xác minh tại địa phương chị Cà Thị L và anh Cà Văn D sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2024

xác nhận chị Cà Thị L và anh Cà Văn D có mâu thuẫn do anh Cà Văn D sử dụng ma túy, thường xuyên tụ tập với các đối tượng nghiện, không chăm lo, quan tâm xây dựng gia đình.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Cà Thị L và anh Cà Văn D đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Cà Thị L yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Cà Thị L được ly hôn anh Cà Văn D.

[3] Về con chung:

Có hai con là Cà Văn Ph, sinh ngày 17/02/2013 và Cà Thị Ngọc D, sinh ngày 08/8/2015. Chị Cà Thị L và anh Cà Văn D đều có đề nghị được nuôi cả hai con, tuy nhiên anh Cà Văn D cũng nhất trí theo nguyện vọng của các con. Tòa án nhân dân huyện Mường La đã tiến hành xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã PT, huyện ML và Công an xã PT, huyện ML. Kết quả xác định chị Cà Thị L có thu nhập, công việc ổn định, anh Cà Văn D là đối tượng thuộc diện quản lý của Công an xã PT, không có nghề nghiệp ổn định.

Căn cứ theo đề nghị của chị Cà Thị L muốn được trực tiếp nuôi con; căn cứ nguyện vọng của các cháu Cà Văn Ph, Cà Thị Ngọc D trình bày các cháu muốn ở với mẹ, hiện tại các cháu đang ở cùng mẹ, được chăm sóc, học hành ổn định, sức khỏe tốt và căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, cần giao cho chị Cà Thị L trực tiếp nuôi các cháu Cà Văn Ph, Cà Thị Ngọc D. Anh Cà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Đối với các khoản nợ anh Cà Văn P, Ban quản lý bản Ten, anh Lò Văn D1, anh Cà Văn H2, anh Vì Văn S: Chị Cà Thị L và anh Cà Văn D đều xác định đây là nợ chung. Về số tiền nợ chị Lánh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai thống nhất với nhau, anh Cà Văn D khai không thống nhất, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh số tiền nợ như anh Duân khai, do đó xác định số tiền anh Cà Văn D, chị Cà Thị L nợ theo lời khai của chị Lánh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với khoản nợ chị Vì Thị T: Chị Cà Thị L xác nhận chị và anh Cà Văn D có vay của chị Thẻ số tiền 5.000.000 đồng, nhưng đã trả bằng cách đổi công làm nhà nên không còn nợ nữa. Tuy nhiên chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Anh Cà Văn D xác nhận có vay số tiền trên nhưng chưa trả. Chị Vì Thị T

không công nhận đã xóa nợ cho chị Lánh anh Duân, do đó cần xác định đây là khoản nợ chung, chị Lánh anh Duân phải có trách nhiệm trả nợ đối với chị Vì Thị T.

Tại phiên tòa ngày 13/01/2025 chị Cà Thị L và anh Cà Văn D thống nhất trả nợ như sau: chị Cà Thị L nhận trách nhiệm trả nợ anh Cà Văn H2 số tiền 10.000.000 đồng, trả anh Cà Văn P số tiền 6.500.000 đồng, trả anh Lò Văn D1 số tiền 800.000 đồng, trả anh Vì Văn S số tiền 5.000.000 đồng, trả Ban quản lý bản Ten, xã PT, huyện ML số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng 23.800.000 đồng; Anh Cà Văn D nhận trách nhiệm trả chị Vì Thị T số tiền 5.000.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc chị Cà Thị L và anh Cà Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Đối với khoản nợ anh Cà Văn D khai nợ anh Vì Văn H 2.000.000 đồng: Tại phiên tòa ngày 13/01/2025 anh Cà Văn D xin rút yêu cầu đối với số nợ trên, chị Cà Thị L nhất trí. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7] Về án phí: Chị Cà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 60, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Cà Thị L được ly hôn anh Cà Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Cà Văn Ph, sinh ngày 17/02/2013 và Cà Thị Ngọc D, sinh ngày 08/8/2015 đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Cà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Cà Thị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Buộc chị Cà Thị L có trách nhiệm trả anh Cà Văn H2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trả anh Cà Văn P số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), trả anh Lò Văn D1 số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), trả anh Vì Văn S số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả Ban quản lý bản Ten, xã PT, huyện ML số tiền 1.500.000 đồng. Tổng cộng 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này không tính lãi.

Buộc anh Cà Văn D có trách nhiệm trả chị Vì Thị T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Số tiền này không tính lãi.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

5. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với việc anh Cà Văn D rút yêu cầu chia nợ chung số tiền 2.000.000 đồng vay anh Vì Văn H.

6. Về án phí: Chị Cà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001713 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị Cà Thị L, anh Cà Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được tính theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã PT (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (9);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã PT (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

